

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/NQ-HĐND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**  
**KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 12**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;*

*Trên cơ sở các Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua và phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 2); Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3); Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 4);*

Căn cứ Công văn số 8542/BKHĐT-TH ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024; Công văn số 8678/BKHĐT-TH ngày 19 tháng 10 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thông báo bổ sung dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương năm 2024;

Xét Tờ trình số 5069/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024, với nội dung cụ thể như sau:

Tổng số kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 là 4.574,121 tỷ đồng (Bốn nghìn năm trăm bảy mươi bốn tỷ, một trăm hai mươi một triệu đồng), theo từng nguồn vốn như sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh: phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 3.038,995 tỷ đồng (Ba nghìn không trăm ba mươi tám tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng), cụ thể như sau:

a) Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 654,995 tỷ đồng (Sáu trăm năm mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu đồng), chi tiết như sau:

\* *Vốn tỉnh quản lý*: 451,095 tỷ đồng, bao gồm:

- Chuẩn bị đầu tư: 06 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án.

- Thực hiện dự án: 445,095 tỷ đồng; theo lĩnh vực, ngành sau:

+ Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội: 73,9 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024; 02 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2024 và 01 dự án khởi công mới.

+ Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 22 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023.

+ Văn hóa, thông tin: 05 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

+ Các hoạt động kinh tế: 126,795 tỷ đồng, gồm:

• Nông nghiệp: 10,5 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024;

• Giao thông: 85 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024 và 03 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024;

• Khu kinh tế, khu công nghiệp: 15 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024;

- Công nghệ thông tin: 08 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới;
- Thực hiện quy hoạch: 8,295 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

+ Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: 75,5 tỷ đồng; bố trí 05 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

+ Xã hội: 4,7 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

+ Đối ứng vốn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 11,95 tỷ đồng; bố trí cho 09 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

+ Dự phòng: 125,25 tỷ đồng.

\* *Phân cấp huyện quản lý*: 203,9 tỷ đồng, gồm:

- Hỗ trợ có mục tiêu thực hiện theo Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh: 137 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho UBND huyện đầu tư cụm quản lý hành chính cấp huyện: 07 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện đầu tư các Cụm quản lý hành chính cấp xã: 57 tỷ đồng.

- Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: 2,9 tỷ đồng.

b) Nguồn vốn sử dụng đất: 450 tỷ đồng (*Bốn trăm năm mươi tỷ đồng*), chi tiết như sau:

\* *Tỉnh quản lý*: 280 tỷ đồng (*Hai trăm tám mươi tỷ đồng*), bao gồm:

- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa: 20 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án khởi công mới.

- Chưa phân bổ: 260 tỷ đồng.

\* *Vốn giao cấp huyện thu để chi theo quy định*: 170 tỷ đồng (*Một trăm bảy mươi tỷ đồng*), gồm:

Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, kể cả công trình xã hội hóa: 170 tỷ đồng.

c) Nguồn vốn xổ số kiến thiết: 1.750 tỷ đồng (*Một nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng*), chi tiết như sau:

\* *Tỉnh quản lý*: 1.458,5 tỷ đồng, theo lĩnh vực, ngành sau:

- Phân bổ cho các công trình có Quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành: 20,917 tỷ đồng.

- Y tế: 124,9 tỷ đồng; bố trí cho 03 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024 và 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: 84,964 tỷ đồng; bố trí cho 06 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024 và 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

- Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 945,285 tỷ đồng; bố trí cho 09 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024; 08 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024 và 06 dự án khởi công mới.

- Dự phòng: 282,434 tỷ đồng.

\* *Phân cấp huyện quản lý*: 291,5 tỷ đồng, gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: 206,5 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị: 75 tỷ đồng.

- Hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện thực hiện đầu tư các công trình giao thông: 10 tỷ đồng.

d) Nguồn bội chi ngân sách địa phương (*vốn nước ngoài tỉnh vay lại của Chính phủ*): 50,7 tỷ đồng (*Năm mươi tỷ, bảy trăm triệu đồng*), chi tiết như sau:

- Y tế: 5,7 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

- Nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu: 45 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

đ) Nguồn vốn xổ số kiến thiết vượt thu năm 2023 (*vốn ngoài dự toán Thủ tướng Chính phủ giao*): 123,3 tỷ đồng (*Một trăm hai mươi ba tỷ, ba trăm triệu đồng*), chi tiết như sau:

\* *Tỉnh quản lý*: 40 tỷ đồng, theo lĩnh vực, ngành sau:

- Y tế: 23 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án khởi công mới năm 2024.

- Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP: 17 tỷ đồng; bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

\* *Phân cấp huyện quản lý*: 83,3 tỷ đồng; gồm:

- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: 29,6 tỷ đồng.

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị: 46 tỷ đồng.

- Hỗ trợ Hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã: 7,7 tỷ đồng.

e) Nguồn chi khác ngân sách tỉnh 2024 (*vốn ngoài dự toán Thủ tướng Chính phủ giao*): 10 tỷ đồng; hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện.

2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương: Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 là 1.535,126 tỷ đồng (*Một nghìn năm trăm ba mươi lăm tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu đồng*), cụ thể như sau:

a) Vốn trong nước: 1.430,126 tỷ đồng (*Một nghìn bốn trăm ba mươi tỷ, một trăm hai mươi sáu triệu đồng*), bao gồm:

\* *Đầu tư theo ngành, lĩnh vực (bao gồm dự án liên kết vùng, dự án trọng điểm)*: 1.183,14 tỷ đồng, chi tiết như sau:

- Các hoạt động kinh tế: 730,14 tỷ đồng, gồm:

+ Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: 290,94 tỷ đồng; bố trí cho 05 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

+ Giao thông: 348,312 tỷ đồng; bố trí cho 07 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024 và 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

+ Khu công nghiệp và Khu kinh tế: 70 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

+ Du lịch: 20,888 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

- Đầu tư các dự án liên kết vùng, dự án trọng điểm: 453 tỷ đồng; bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

\* *Đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội*: 10 tỷ đồng (*Mười tỷ đồng*); bố trí cho 02 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024.

\* Các Chương trình mục tiêu quốc gia: 236,986 tỷ đồng (*Hai trăm ba mươi sáu tỷ, chín trăm tám mươi sáu triệu đồng*), chi tiết như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 147,737 tỷ đồng, trong đó: Tỉnh quản lý là 35,297 tỷ đồng và phân cấp cho huyện quản lý là 112,44 tỷ đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 3,569 tỷ đồng (*vốn tỉnh quản lý*).

- Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới: 85,68 tỷ đồng, trong đó: Tỉnh quản lý là 2,1 tỷ đồng và phân cấp cho huyện quản lý là 83,58 tỷ đồng.

b) Vốn nước ngoài (ODA): 105 tỷ đồng (*Một trăm lẻ năm tỷ đồng*); bố trí cho 01 dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024.

(*Kèm theo Phụ lục I, II, III, IV, V*)

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện và tiếp tục rà soát trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất phân bổ chi tiết hết số vốn dự phòng cho các công trình, dự án sau khi hoàn thiện cơ sở pháp lý theo quy định; Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa X - kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./. *KW*

**Nơi nhận:**

- UBND, Chính phủ;
- Các Bộ: KH và ĐT, TC;
- Ban Công tác đại biểu - UBND;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- TT.TU, UBND, UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các Sở, ngành: KH và ĐT, TC, TP, KBNN, Cục thuế, Cục Thống kê tỉnh;
- TT. HĐND, UBND cấp huyện;
- Đài PT-TH, Báo Trà Vinh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Kim Ngọc Thái**



**Phụ lục I**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
1	2	3	4
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>4.574.121</b>	
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TỈNH</b>	<b>3.038.995</b>	
-	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	654.995	
-	Nguồn vốn sử dụng đất	450.000	
-	Nguồn vốn xổ số kiến thiết	1.750.000	
-	Nguồn bội chi ngân sách địa phương	50.700	
-	Nguồn xổ xổ kiến thiết vượt thu năm 2023	123.300	
-	Nguồn vốn chi khác ngân sách tỉnh	10.000	
<b>II</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>1.535.126</b>	
<b>1</b>	<b>Vốn trong nước</b>	<b>1.430.126</b>	
-	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực	730.140	
-	Đầu tư các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng	453.000	
-	Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội	10.000	
-	Nguồn vốn thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	236.986	
+	Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	147.737	
+	Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	3.569	
+	Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	85.680	
<b>2</b>	<b>Vốn nước ngoài (vốn ODA)</b>	<b>105.000</b>	

*Handwritten signature*





Phụ lục II

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024  
(NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH)**

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú	
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>Mục I</b>												
<b>NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>												
<b>A</b>												
<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>												
<b>I</b>	<b>CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>											
1	Xây dựng tuyến đường hành lang ven biển trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh	BQL DA DTXD các công trình giao thông	cấp III	2025-2029	2265/UBND-CN/XD 01/6/2023	9.186.996	2.470.723			5.000	Đổi ứng vốn O
2	Nâng cấp, mở rộng đường Trương Văn Kinh (Phủ Hòa - Hòa Hữu - Công Thiện Hùng đến Trần Văn Ân)	TPTV	UBND TPTV	Đường đô thị; dài 5.210m, BT GPMB	2024-2027	1469/QĐ-UBND 29/9/2023	355.000	355.000			1.000	
<b>II</b>	<b>THỰC HIỆN DỰ ÁN</b>											
1)	Quốc phòng - An ninh và trật tự, an toàn xã hội											
(1)	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						96.000	96.000	87.900	69.000	18.900	

*(Handwritten mark)*

I	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	TMDT		Trong đó: NST				
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
7	8	9											
2	Xây dựng Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Trà Vinh	Cầu Ngang	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	cấp III	2021-2024	3795/QĐ-UBND 30/11/2020; 632/QĐ-UBND 12/8/2021	90.000	90.000	82.900	66.000	16.900		
	Trạm Kiểm soát Biên phòng Hiệp Thành thuộc Đồn Biên phòng Cửa khẩu Trường Long Hòa	TXDH	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh	cấp III	2022-2024	264/QĐ-SKHĐT 08/11/2022	6.000	6.000	5.000	3.000	2.000		
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>						<b>106.167</b>	<b>106.167</b>	<b>98.000</b>	<b>17.000</b>	<b>30.000</b>	-	
	Đầu tư, nâng cấp các cơ sở làm việc thuộc Công an tỉnh Trà Vinh	Cảng Long, thành phố Trà Vinh	Công an tỉnh	cấp III	2022-2024	2064/QĐ-UBND 25/10/2022	34.100	34.100	29.000	7.000	10.000		
	Đầu tư xây dựng công trình linh vực Quân sự thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Trà Vinh	TPTV, Cầu Ngang và Cầu Kê	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Cấp III	2022-2025	2100/QĐ-UBND 31/10/2022; 50/QĐ-UBND 12/01/2023	72.067	72.067	69.000	10.000	20.000		
	<i>Dự án khởi công mới năm 2024</i>						<b>326.697</b>	<b>326.697</b>	<b>120.000</b>	<b>-</b>	<b>25.000</b>		
	Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn thuộc Công an tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 1)	Trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Đầu tư 46 Trụ sở làm việc	2024-2027	1714/QĐ-UBND 10/11/2023	326.697	326.697	120.000		25.000		
	Giáo dục, đào tạo và dạy nghề						<b>188.898</b>	<b>46.803</b>	<b>30.000</b>	<b>5.200</b>	<b>22.000</b>		
	<i>Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023</i>						<b>188.898</b>	<b>46.803</b>	<b>30.000</b>	<b>5.200</b>	<b>22.000</b>		
	Viện Công nghệ sinh học - Trường Đại học Trà Vinh	TPTV	Trường Đại học Trà Vinh	cấp III	2021-2024	3804/QĐ-UBND 30/11/2020	188.898	188.898	30.000	5.200	22.000		

TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
3)	Văn hóa, thông tin						17.000	17.000	15.000	3.500	5.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>						17.000	17.000	15.000	3.500	5.000	
	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử chùa Ba Sĩ	Càng Long	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tu bổ, tôn tạo	2023-2025	51/QĐ-UBND 11/01/2021; 1595/QĐ-UBND 23/10/2023	17.000	17.000	15.000	3.500	5.000	
4)	Các hoạt động kinh tế						2.682.853	718.153	515.807	190.392	126.795	
4.1	Nông nghiệp						310.000	26.200	21.700	5.000	10.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						310.000	26.200	21.700	5.000	10.500	
1	Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.	Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	công trình cấp IV	2021-2024	4074/QĐ-UBND 29/12/2020	80.000	8.000	3.500	-	3.500	Đổi ứng với NSTW
2	Dự án Hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản Dân Thành, Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	TXDH	BQL DA DTXD các công trình NN&PTNT	Hạ tầng thủy lợi	2022-2025	3363/QĐ-BNN-KH 29/3/2022	230.000	18.200	18.200	5.000	7.000	NST đổi ứng GPMB
4.2	Giao thông						1.718.601	538.601	367.607	150.287	85.000	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						1.498.000	318.000	170.000	71.792	15.000	
	Hạ tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, Càng Long với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	Càng Long, Châu Thành và TP.TV	BQL DA DTXD các công trình giao thông	Cấp III đồng bằng	2021-2024	3558/QĐ-UBND 28/10/2020	1.498.000	318.000	170.000	71.792	15.000	Đổi ứng với NSTW
(2)	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>						220.601	220.601	197.607	78.495	70.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	TMDT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
7	8	9										
2	Đầu tư, nâng cấp các tuyến đường trên địa bàn thị xã Duyên Hải đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV	3 thị xã Duyên Hải	4 UBND thị xã Duyên Hải	5 cấp IV	6 2022-2025	7 1938/QĐ-UBND 03/10/2022	8 121.000	9 121.000	10 108.000	11 55.495	12 40.000	13
3	Xây dựng Đường huyện 37 kéo dài từ giáp Đường huyện 04, xã Nhị Long Phú đến giáp Đường huyện 01, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long	Càng Long	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Cấp V ĐB	2022-2024	2135/QĐ-UBND 8/11/2022	62.849	62.849	56.000	15.000	20.000	
	Xây dựng cầu Bung Lớn, xã Tam Ngãi, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	BTCT	2023-2025	2134/QĐ-UBND 7/11/2022	36.752	36.752	33.607	8.000	10.000	
3	Khu kinh tế, Khu công nghiệp						568.234	67.334	60.000	-	15.000	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						568.234	67.334	60.000	-	15.000	
	Dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N29, đoạn từ nút N29 đến cầu C16 và từ cầu C16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu kinh tế Định An (giai đoạn 1)	KKT Định An	Ban Quản lý Khu kinh tế	Chiều dài 8,6km	2019-2024	1847/QĐ-UBND 17/9/2018; 415/QĐ-UBND 21/02/2022	568.234	67.334	60.000	-	15.000	Đổi tăng vốn NSTW
4	Công nghệ thông tin						27.000	27.000	23.500	400	8.000	
	Dự án khởi công mới năm 2024						27.000	27.000	23.500	400	8.000	
	Đầu tư nâng cấp trang thiết bị cho Trung tâm dữ liệu tỉnh và nâng cấp mở rộng mạng điện rộng tỉnh Trà Vinh	Các cơ quan, tổ chức nhà nước	Sở Thông tin và Truyền thông	Phần cứng, phần mềm	2022-2024	2409/QĐ-UBND 19/12/2022	27.000	27.000	23.500	400	8.000	
5	Thực hiện quy hoạch						59.018	59.018	43.000	34.705	8.295	
	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2023						59.018	59.018	43.000	34.705	8.295	

M

20/11/2024

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	Quy hoạch tỉnh Trà Vinh thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư		2019-2023	2624/UBND-THNV 15/7/2019	59.018	59.018	43.000	34.705	8.295	
5)	Hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội						172.344	172.344	153.000	77.000	75.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						172.344	172.344	153.000	77.000	75.500	
1	Xây dựng Nhà làm việc của Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh	TPTV	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2021-2024	1868/QĐ-UBND 08/9/2021	71.244	71.244	64.000	33.000	31.000	
2	Xây dựng mới các hạng mục phụ trợ Nhà lưu trữ hồ sơ địa chính và làm việc cho Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thị xã và thành phố Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2023-2025	2115/QĐ-UBND 03/11/2022	11.300	11.300	10.000	8.500	1.500	
3	Xây dựng mới Nhà làm việc Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	TPTV	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2023-2025	282/QĐ-SKHDT 05/12/2022	8.300	8.300	7.500	3.500	3.500	
4	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở Huyện ủy và UBND huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2022-2024	2111/QĐ-UBND 02/11/2022	14.500	14.500	11.500	5.000	6.500	
5	Hội trường và Phòng họp trực tuyến UBND tỉnh Trà Vinh	TPTV	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2022-2025	2672/QĐ-UBND 18/11/2021	67.000	67.000	60.000	27.000	33.000	

14

STT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Xã hội						14.500	14.500	12.000	7.300	4.700	
	Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						14.500	14.500	12.000	7.300	4.700	
	Đầu tư, nâng cấp Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Trà Vinh	Châu Thành	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Cấp III	2022-2024	2669/QĐ-UBND 18/11/2021	14.500	14.500	12.000	7.300	4.700	
	Đổi ứng vốn NSTW thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						102.835	20.163	12.800	-	11.950	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024						102.835	20.163	12.800	-	11.950	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Châu Thành	Châu Thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	1064/QĐ-UBND 13/7/2023	12.892	2.251	1.600	-	1.600	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	1042/QĐ-UBND 10/7/2023	14.049	2.964	1.700	-	1.700	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	969/QĐ-UBND 23/6/2023	14.500	3.160	1.800	-	1.800	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	177/QĐ-SKHĐT 27/6/2023	6.508	1.418	800	-	800	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	974/QĐ-UBND 26/6/2023	14.504	2.975	1.800	-	1.800	
	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Duyên Hải	Huyện Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	Cấp III	2022-2024	1470/QĐ-UBND 29/9/2023	12.958	2.824	1.600	-	1.600	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Di tích Danh thắng Quốc gia Ao Bà Om	thành phố Trà Vinh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	294/QĐ-SKHDT 04/10/2023	3.784	631	500	-	500	
8	Bảo dưỡng, sửa chữa Làng bích họa "Không gian kỳ ức"	Châu Thành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	20/QĐ-SKHDT 16/02/2023	2.400	400	300	-	300	
9	Cải tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn hiện có nhưng đã xuống cấp thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	747/QĐ-UBND 17/5/2023	21.240	3.540	2.700	-	1.850	
8)	Dự phòng										125.250	
B	PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ						-	-	861.898	458.700	203.900	
I	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 08/2021/NQ-HĐND NGÀY 29/6/2021 CỦA HĐND TỈNH						-	-	665.798	329.500	137.000	
1	Huyện Càng Long								72.003	36.000	15.000	
2	Huyện Cầu Kè								69.987	32.500	15.000	
3	Huyện Tiểu Cần								69.355	37.000	13.000	
4	Huyện Trà Cú								85.109	41.500	17.000	
5	Huyện Châu Thành								81.760	41.500	16.000	
6	Huyện Duyên Hải								64.109	31.000	13.000	
7	Huyện Cầu Ngang								79.094	37.000	16.000	
8	Thị xã Duyên Hải								51.943	28.000	12.000	
9	Thành phố Trà Vinh								92.438	45.000	20.000	

HP





TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I	TỈNH QUẢN LÝ						40.606	40.606	35.000	-	280.000	
1)	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa						40.606	40.606	35.000	-	20.000	
	Dự án khởi công mới năm 2024						40.606	40.606	35.000	-	20.000	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường huyện 15 (đoạn từ cầu Đa Hòa 1 đến Bãi Vàng), huyện Châu Thành	Châu Thành	BQL DA DTXD các công trình giao thông	Cấp IV DB	2023-2025	1720/QĐ-UBND, 10/11/2023	27.706	27.706	24.000	-	14.000	
2	Đường giao thông liên xã Hòa Tân - Châu Điện, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	Đường GTNT	2022-2024	693/QĐ-UBND, 07/4/2022	12.900	12.900	11.000	-	6.000	
2)	Dự phòng										260.000	
II	VỐN GIAO CẤP HUYỆN THU ĐỂ CHI THEO QUY ĐỊNH						-	-	490.480	254.580	170.000	
	Chi nguồn vốn sử dụng đất, bao gồm công trình xã hội hóa						-	-	490.480	254.580	170.000	
1	Huyện Càng Long								29.500	13.400	8.500	
2	Huyện Cầu Kè								16.500	8.100	7.700	
3	Huyện Cầu Ngang								17.700	9.300	5.500	
4	Huyện Châu Thành								66.150	36.050	29.000	
5	Huyện Duyên Hải								4.080	2.680	1.000	
6	Huyện Tiểu Cần								22.200	11.000	9.500	
7	Huyện Trà Cú								16.350	8.650	5.800	
8	Thị xã Duyên Hải								39.000	19.400	13.000	
9	Thành phố Trà Vinh								279.000	146.000	90.000	
Mục III	NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT						5.573.335	3.410.610	4.310.544	2.280.787	1.750.000	

16

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>						<b>5.573.335</b>	<b>3.410.610</b>	<b>2.947.044</b>	<b>1.321.787</b>	<b>1.458.500</b>	
	<b>CÁC CÔNG TRÌNH CÓ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH</b>								<b>82.568</b>	<b>58.060</b>	<b>20.917</b>	Chi tiết theo Phụ lục V
	<b>Y TẾ</b>						<b>753.013</b>	<b>530.866</b>	<b>395.000</b>	<b>166.000</b>	<b>124.900</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						<b>504.013</b>	<b>281.866</b>	<b>168.000</b>	<b>103.100</b>	<b>59.900</b>	
	"Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở" Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	cấp III	2019-2024	501/QĐ-UBND 27/3/2019	115.013	23.866	19.000	9.100	9.900	Đổi ứng vốn ODA
	Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải	thị xã Duyên Hải	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	công trình cấp III	2022-2024	2327/QĐ-UBND 02/12/2022	159.000	28.000	15.000	-	10.000	Đổi ứng vốn NSTW
	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang	Cầu Ngang	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Nâng cấp, mở rộng	2019-2024	2168/QĐ-UBND 31/10/2018	230.000	230.000	134.000	94.000	40.000	
	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</i>						<b>249.000</b>	<b>249.000</b>	<b>227.000</b>	<b>62.900</b>	<b>65.000</b>	
	Mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	TTB	2021-2024	2678/QĐ-UBND 18/11/2021	219.000	219.000	200.000	61.900	50.000	

17

*Handwritten signature*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế huyện Cầu Kè	Cầu Kè	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Nâng cấp, cải tạo	2022-2024	1939/QĐ-UBND 03/10/2022	30.000	30.000	27.000	1.000	15.000	
III	<b>GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ</b>						<b>617.500</b>	<b>617.500</b>	<b>563.000</b>	<b>442.036</b>	<b>84.964</b>	
(1)	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>						<b>457.500</b>	<b>457.500</b>	<b>405.000</b>	<b>360.036</b>	<b>39.964</b>	
1	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Càng Long (giai đoạn 2021-2025)	huyện Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2021-2024	3806/QĐ-UBND 30/11/2020	53.500	53.500	43.000	35.000	8.000	
2	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Càng Long (giai đoạn 2021-2025)	huyện Càng Long	UBND huyện Càng Long	cấp III	2021-2024	3807/QĐ-UBND 30/11/2020	77.000	77.000	63.000	60.400	2.600	
3	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Châu Thành (giai đoạn 2021-2025)	huyện Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	cấp III	2021-2024	310/QĐ-UBND 17/02/2021	132.000	132.000	128.000	119.136	8.864	
4	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Duyên Hải (giai đoạn 2021-2025)	huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	cấp III	2021-2024	3833/QĐ-UBND 01/12/2020	85.000	85.000	75.000	68.500	4.200	Nhu cầu thực hoàn thành dự
5	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Trà Cú (giai đoạn 2021-2025)	huyện Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	cấp III	2021-2024	3842/QĐ-UBND 01/12/2020	90.000	90.000	78.000	71.000	5.300	
6	Xây dựng Hội trường 500 chỗ ngồi - Trường Cao đẳng nghề Trà Vinh	TPTV	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2023-2025	1269/QĐ-UBND 12/7/2022	20.000	20.000	18.000	6.000	11.000	

Đánh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>											
Nâng cấp, cải tạo mở rộng các Trường THPT, DTNT trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2022-2025	916/QĐ-UBND 27/5/2022	160.000	160.000	158.000	82.000	45.000	
<b>CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, CHỐNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC NHIỆM VỤ ĐẦU TƯ QUAN TRỌNG KHÁC THUỘC ĐỐI TƯỢNG ĐẦU TƯ CỦA NSDP</b>											
<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>											
Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh	Trà Cú, Tiểu Cần, Càng Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34 công BTCT	2021-2024	4073/QĐ-UBND 29/12/2020	358.300	35.300	21.000	-	17.000	Đổi ứng vốn NSTW
Đầu tư các dự án xây dựng, nâng cấp hệ thống đê biển, kè biển trên địa bàn các huyện Cầu Ngang, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	TXDH	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	1,6 km	2020-2024	342/QĐ-UBND, 25/02/2020; 1111/QĐ-UBND, 21/6/2022	160.000	55.000	50.000	14.500	30.000	Đổi ứng vốn NSTW
Xây dựng Đường huyện 13 kéo dài từ giáp Đường huyện 09, xã Tập Ngãi đến giáp tuyến tránh Quốc lộ 60, xã Phú Cản, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cản	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Cấp V	2021-2024	3762/QĐ-UBND 25/11/2020	122.000	30.500	20.000	7.000	7.000	Đổi ứng vốn NSTW

19

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
4	Đường D10 thành phố Trà Vinh	TPPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2021-2024	4075/QĐ-UBND 29/12/2020	134.000	26.000	14.000	6.000	8.000	Đổi ứng vốn NSTW
5	Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh	TPPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2021-2024	4076/QĐ-UBND 29/12/2020	270.000	27.000	20.000	-	20.000	Đổi ứng vốn NSTW
6	Nâng cấp, mở rộng đường dẫn vào khu bến sông hợp Định An, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	Thị xã Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Cấp III DB	2021-2024	3797/QĐ-UBND 30/11/2020	84.500	84.500	12.500	-	12.500	
7	Sân vận động (mới) tỉnh Trà Vinh (giai đoạn 2)	TPPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Cấp III	2021-2024	396/QĐ-UBND 24/02/2021	110.000	110.000	99.000	68.160	30.840	
8	Xây dựng cầu Long Bình 1 thành phố Trà Vinh	TPPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Cầu BTCT vnh cứu	2022-2024	2133/QĐ-UBND 7/11/2022	63.000	63.000	58.000	30.000	28.000	
9	Đầu tư xây dựng hệ thống đê bao Nam rạch Trà Cú, huyện Trà Cú	Trà Cú	BQL DA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Tổng chiều dài 11.838m	2022-2025	2688/QĐ-UBND 19/11/2021	62.800	62.800	55.000	34.980	20.020	
(2)	<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>						<b>2.683.532</b>	<b>1.613.454</b>	<b>1.443.476</b>	<b>495.051</b>	<b>732.425</b>	
1	Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.	Cang Long, Châu Ngang, Châu Thành, Duyên Hải, thị xã Duyên Hải	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Diện tích trồng rừng 323 ha	2023-2025	2063/QĐ-UBND 25/10/2022	48.000	48.000	44.000	3.500	10.000	

20

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Hạ tầng Hồ chứa nước ngọt dọc bờ sông Láng Thế đảm bảo an ninh nguồn nước các huyện Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh (giai đoạn 1)	Càng Long, Châu Thành và thành phố Trà Vinh	BQL DA ĐTXD các công trình NN&PTNT	Chiều dài kè 02 bên khoảng 6,8km và các hạng mục HTKT	2024-2027	358/QĐ-UBND 24/3/2023	1.330.868	1.000.000	952.876	331.951	620.925	
Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	BQL DA CSAT Trà Vinh	cấp III	2022-2026	2825/QĐ-UBND 03/12/2021	853.300	128.800	70.000	3.600	10.000	
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú	Trà Cú	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Tổng chiều dài khoảng 4,5km	2022-2025	2670/QĐ-UBND 18/11/2021	114.710	100.000	90.000	55.000	20.000	
Nâng cấp, cải tạo Nhà làm việc của Mặt trận Tổ quốc + Đoàn thể tỉnh Trà Vinh	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2022-2025	2306/QĐ-UBND 29/11/2022	52.654	52.654	50.000	300	15.000	
Xây dựng và mua sắm trang thiết bị Trung tâm kỹ thuật âm thanh, ánh sáng nhà hát truyền hình - Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh	TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Cấp III	2023-2026	256/QĐ-UBND 02/3/2023	80.000	80.000	53.600	1.000	15.000	
Nâng cấp, mở rộng đường và HTTN đường Vũ Định Liễu (đoạn còn lại)	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2022-2024	2065/QĐ-UBND 25/10/2022	54.000	54.000	48.000	13.200	18.000	
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Càng Long, huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	Tổng chiều dài 11.400m	2022-2025	2681/QĐ-UBND 18/11/2021	150.000	150.000	135.000	86.500	23.500	
<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>						<b>154.690</b>	<b>154.690</b>	<b>113.500</b>	<b>-</b>	<b>39.500</b>	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lấy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Xây dựng mới 02 cầu yếu trên Đường huyện 36 (cầu Thanh Sơn, cầu Sóc Chà)	Trà Cú	BQL DA DTXD các công trình giao thông vận tải	Cầu BTCT	2023-2025	1721/QĐ-UBND, 10/11/2023	13.500	13.500	12.500	-	5.000	
2	Cầu tàu để neo đậu tàu cá vận chuyển ngư cụ cho nhân dân khu vực ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh	TPTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	chiều dài 100m, và các hạng mục phụ trợ	2023-2025	1686/QĐ-UBND, 06/11/2023	14.000	14.000	13.000	-	6.000	
3	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm Hội nghị tỉnh Trà Vinh	thành phố Trà Vinh	BQL DA DTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2023-2025	1724/QĐ-UBND, 10/11/2023	19.200	19.200	18.000	-	8.500	
4	Xây dựng các cầu bắc qua sông trên địa bàn huyện Càng Long	Càng Long	UBND huyện Càng Long	Cầu BTCT	2023-2025	1723/QĐ-UBND, 10/11/2023	73.000	73.000	40.000		7.000	Đầu tư hạng II bậc xúc cầu T Bình trước
5	Đường giao thông liên xã Mỹ Chánh - Đa Lộc, huyện Châu Thành	Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	cấp IV	2023-2025	1764/QĐ-UBND, 06/9/2022	20.000	20.000	17.000	-	7.000	Đáp ứng tiêu chuẩn huyện NTN
6	Hệ thống thoát nước, vỉa hè thị trấn Long Thành.	Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Hạ tầng kỹ thuật	2022-2024	2267/QĐ-UBND, 22/11/2022	14.990	14.990	13.000	-	6.000	Đáp ứng tiêu chuẩn địa phương
V	<b>DỰ PHÒNG</b>										<b>282.434</b>	
B	<b>PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ</b>								<b>1.363.500</b>	<b>959.000</b>	<b>291.500</b>	
I	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>								<b>900.500</b>	<b>619.000</b>	<b>206.500</b>	
1	Huyện Càng Long								<b>22.000</b>	<b>17.000</b>	<b>5.000</b>	Năng chất tiêu NTM

Handwritten mark

Handwritten mark

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Quyết định dự án đầu tư	TMDT	Trong đó: NST				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Huyện Cầu Kè								157.000	42.000	80.000	Hoàn thành tiêu chí huyện NTM năng cao
Huyện Cầu Ngang								156.000	136.000	20.000	Đảm bảo vốn thanh toán hoàn thành các công trình đạt tiêu chí huyện NTM (bao gồm hỗ trợ dự án Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung địa bàn thị trấn Cầu Ngang)
Huyện Châu Thành								130.000	125.000	5.000	Nâng chất tiêu chí NTM
Huyện Duyên Hải								158.200	153.200	5.000	Nâng chất tiêu chí NTM
Huyện Tiểu Cần								157.000	37.000	80.000	Hoàn thành tiêu chí huyện NTM năng cao
Huyện Trà Cú								104.300	99.800	4.500	Nâng chất tiêu chí NTM
Thị xã Duyên Hải								12.000	7.000	5.000	Nâng chất tiêu chí NTM
Thành phố Trà Vinh								4.000	2.000	2.000	Nâng chất tiêu chí NTM
HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO UBND CÁC HUYỆN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐẠT CÁC TIÊU CHÍ ĐỘ THỊ								408.000	305.000	75.000	
Thành phố Trà Vinh								139.000	110.000	20.000	

23



TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHT đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định dự án đầu tư	TMDT	Trong đó: NST				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Thị xã Duyên Hải								120.000	90.000	20.000	Bao gồm hỗ trợ xã Dân Thành I phường
3	Huyện Tiểu Cần								120.000	100.000	20.000	
4	Huyện Càng Long								29.000	5.000	15.000	Xã Tân An đã tiêu chi đó thì là V
III	HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO HUYỆN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG						-	-	55.000	35.000	10.000	
Mục IV	NGUỒN BỒI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (Vốn nước ngoài tính vay lại của Chính phủ)						968.313	152.666	-	75.300	50.700	
	TỈNH QUẢN LÝ						968.313	152.666	-	75.300	50.700	
1)	Y tế						115.013	23.866	-	36.300	5.700	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						115.013	23.866	-	36.300	5.700	
	Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Trà Vinh		Sở Y tế		2019-2024	501/QĐ-UBND 27/3/2019	115.013	23.866		36.300	5.700	
2)	Nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu						853.300	128.800	-	39.000	45.000	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024						853.300	128.800	-	39.000	45.000	

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	trên địa bàn tỉnh	BQL Dự án CSAT		2022-2026	2825/QĐ-UBND 03/12/2021	853.300	128.800		39.000	45.000	
<b>NGUỒN VỐN XÓ SÓ KIẾN THIẾT VƯỢT THU NĂM 2023</b>						<b>271.000</b>	<b>71.000</b>	<b>123.300</b>	-	<b>123.300</b>	
<b>TỈNH QUẢN LÝ</b>						<b>271.000</b>	<b>71.000</b>	<b>40.000</b>	-	<b>40.000</b>	
<b>Y tế</b>						<b>26.000</b>	<b>26.000</b>	<b>23.000</b>	-	<b>23.000</b>	
<b>Dự án khởi công mới năm 2024</b>						<b>26.000</b>	<b>26.000</b>	<b>23.000</b>	-	<b>23.000</b>	
Hệ thống thông tin Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn bệnh viện thông minh	Bệnh viện đa khoa tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	CNTT	2024-2025	2679/QĐ-UBND 18/11/2021	26.000	26.000	23.000	-	23.000	
Các công trình, dự án đầu tư phòng chống thiên tai, chống biến đổi khí hậu và các nhiệm vụ đầu tư quan trọng khác thuộc đối tượng đầu tư của NSDP						<b>245.000</b>	<b>45.000</b>	<b>17.000</b>	-	<b>17.000</b>	
<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>						<b>245.000</b>	<b>45.000</b>	<b>17.000</b>	-	<b>17.000</b>	
Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (đoạn còn lại)	TXDH	BQL DA ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chiều dài kè khoảng 900m	2023-2024	1289/QĐ-UBND 24/8/2023	105.000	15.000	2.000	-	2.000	Đối ứng vốn NSTW

25

*[Handwritten signature]*

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Mức lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHTH đã bổ trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Quyết định đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
2	Kè chống sạt lở bờ biển khu vực xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	TXDH	BQL DA DTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	Chiều dài kè khoảng 1.700m	2023-2024	1290/QĐ-UBND 24/8/2023	140.000	30.000	15.000	-	15.000	Đổi ứng vốn NSTW
II	<b>PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ</b>						-	-	83.300	-	83.300	
I)	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới</b>						-	-	29.600	-	29.600	
1	Huyện Châu Thành								26.400	-	26.400	Đảm bảo xã Nguyệt Hòa a tiêu chí nông tr mới về Y tế, g đuc và đủ đư kiện công nh lên phường và Đa Lạc đáp ú tiêu chí gia thông xã nói thôn mới
2	Thị xã Duyên Hải								3.200	-	3.200	Xây dựng c trên tuyến đư vào Bãi rác Long Hưu nh phục vụ vậ chuyên rác t vào bãi rác th lợi, an toàn hạn chế gây nhiệm môi tr
2)	<b>Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng đạt các tiêu chí đô thị</b>								46.000	-	46.000	

26

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Ngày lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương hoặc quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NST giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NST thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Quyết định dự án đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NST				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Thành phố Trà Vinh								24.000	-	24.000	Xây dựng Khu giáo dục thể chất dùng chung cho các điểm trường trên địa bàn thành phố Trà Vinh; hoàn thiện tiêu chí đô thị loại II
Thị xã Duyên Hải								22.000	-	22.000	Hoàn thành tiêu chí giáo dục đô thị loại III
Hỗ trợ Hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã								7.700	-	7.700	
UBND huyện Châu Thành								4.700	-	4.700	HTX NN-TM & SXDV Châu Hưng và HTX NN Phước Hảo
UBND huyện Tiểu Cần								3.000	-	3.000	HTX NN Rạch Lốp
NGUỒN CHI KHÁC NGÂN SÁCH TỈNH 2024								25.000	15.000	10.000	
PHÂN CẤP HUYỆN QUẢN LÝ								25.000	15.000	10.000	
Huyện Cầu Kè								25.000	15.000	10.000	Hỗ trợ đầu tư DA Nâng cấp mở rộng để bao kết hợp giao thông áp Tân Qui I - Tân Qui 2

27



**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**  
**(NGUỒN VỐN NSTW (VỐN TRONG NƯỚC))**

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Chi
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	1
<b>TỔNG SỐ</b>												
A	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC						5.966.369	4.967.673	5.519.666	3.683.705	1.430.126	
I	Các hoạt động kinh tế						5.662.459	4.714.400	4.495.500	3.178.551	1.183.140	
1)	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						4.164.459	3.534.400	3.315.500	2.451.551	730.140	
	Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						1.196.600	1.048.500	1.048.500	757.551	290.940	
1	Kè phía Đông kênh Chợ Mới, thị trấn Trà Cú, huyện Trà Cú.	Trà Cú	UBND huyện Trà Cú	công trình cấp IV	2021-2024	4074/QĐ-UBND 29/12/2020; 2216/QĐ-UBND 07/10/2021; 2416/QĐ-UBND 20/12/2022	80.000	72.000	72.000	66.000	6.000	
2	Đầu tư xây dựng 15 trạm bơm điện - kênh bê tông phục vụ sản xuất nông nghiệp	Tiêu Cản, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Kè	BQL DA DTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	công trình cấp III	2021-2024	4071/QĐ-UBND 29/12/2020; 1070/QĐ-UBND 14/7/2023	215.000	193.500	193.500	142.160	51.340	

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Nạo vét 18 tuyến kênh thủy lợi phục vụ sản xuất	Tỉnh Trà Vinh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Tổng chiều dài 162,11 km	2021-2024	4072/QĐ-UBND 29/12/2020; 307/QĐ-UBND 08/02/2022; 322/QĐ-UBND 14/3/2023	387.300	320.000	320.000	192.000	128.000	
Đầu tư xây dựng 34 công nội đồng trên địa bàn tỉnh	Trà Cú, Tiểu Cần, Càng Long	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	34 công BTCT	2021-2024	4073/QĐ-UBND 29/12/2020; 2434/QĐ-UBND 26/12/2022	358.300	323.000	323.000	240.551	82.440	
Kè chống sạt lở Sông thị trấn Tiểu Cần	thị trấn Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	công trình cấp IV	2021-2024	3838/QĐ-UBND 01/12/2020; 394/QĐ-UBND 17/02/2022; 1137/QĐ-UBND 26/6/2022	156.000	140.000	140.000	116.840	23.160	
<b>Giao thông</b>						<b>2.269.625</b>	<b>1.868.000</b>	<b>1.715.000</b>	<b>1.232.888</b>	<b>348.312</b>	
<b>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</b>						<b>1.853.625</b>	<b>1.493.500</b>	<b>1.435.000</b>	<b>1.124.688</b>	<b>287.312</b>	

*Handwritten signature*

29

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Gh
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	Đường tỉnh 915B, giai đoạn 2	Châu Thành, Cầu Ngang, TXDH	Sở Giao thông vận tải	Cấp IV DB	2019-2024	2700/QĐ-UBND 10/7/2020	653.405	437.000	378.500	278.500	100.000	
2	Cầu Ba Động kết nối hạ tầng du lịch biển Ba Động, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải	TXDH	Sở Giao thông vận tải	Cầu BTCT	2021-2024	3798/QĐ-UBND 30/11/2020	135.000	121.500	121.500	79.000	42.500	
3	Đường kết nối Quốc lộ 53 với Đường cây ăn trái	Châu Thành, TP TV	Sở Giao thông vận tải	cấp III đồng bằng	2021-2024	3771/QĐ-UBND 26/11/2020; 367/QĐ-UBND 14/02/2022; 1876/QĐ-UBND 20/9/2022	262.820	220.000	220.000	215.000	5.000	
4	Đường ven sông Hậu, huyện Cầu Kè	Cầu Kè	UBND huyện Cầu Kè	L=17,54K m; 03 cầu BTCT	2021-2024	3813/QĐ-UBND 30/11/2020	150.000	135.000	135.000	110.000	25.000	
5	Hoàn thiện hạ tầng giao thông đô thị loại IV, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	Dài 10,305m, rộng 7,5m	2021-2024	3839/QĐ-UBND 01/12/2020; 395/QĐ-UBND 17/02/2022; 1614/QĐ-UBND 05/8/2022	274.700	247.000	247.000	185.300	61.700	

30

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT Trong đó: NSTW				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội ô thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành	Châu Thành	UBND huyện Châu Thành	Hạ tầng kỹ thuật, giao thông	2021-2024	3830/QĐ-UBND 01/12/2020; 1357/QĐ-UBND 25/7/2022	100.000	90.000	90.000	70.000	20.000	
Tuyến trung tâm chính trị hành chính tỉnh Trà Vinh	TPTV	UBND thành phố Trà Vinh	Đường đô thị	2021-2024	4076/QĐ-UBND 29/12/2020; 2055/QĐ-UBND 21/10/2022	277.700	243.000	243.000	186.888	33.112	
<b>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2024</b>						<b>416.000</b>	<b>374.500</b>	<b>280.000</b>	<b>108.200</b>	<b>61.000</b>	
Đầu tư nâng cấp, mở rộng hạ tầng thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Hạ tầng kỹ thuật	2023-2025	422/QĐ-UBND 02/3/2021; 2855/QĐ-UBND 08/12/2021; 84/QĐ-UBND 18/01/2023	200.000	180.000	180.000	78.200	31.000	
Đường nối Quốc lộ 60 - Quốc lộ 54, huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	UBND huyện Tiểu Cần	cấp III	2023-2026	3913/QĐ-UBND 10/12/2020; 1282/QĐ-UBND 02/7/2021; 83/QĐ-UBND 18/01/2023	216.000	194.500	100.000	30.000	30.000	

*Handwritten signature*



TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	GH
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
3)	<b>Khu công nghiệp và Khu kinh tế</b> <i>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						568.234	500.900	435.000	365.000	70.000	
	Dự án Tuyến số 05 (đoạn từ tỉnh lộ 914 đến nút N 29, đoạn từ nút N 29 đến cầu C16 và từ cầu C 16 đến kênh đào Trà Vinh) Khu kinh tế Định An (giai đoạn 1)	KKT Định An	Ban Quản lý Khu kinh tế	Chiều dài 8,6km	2019-2024	1847/QĐ-UBND 17/09/2018	568.234	500.900	435.000	365.000	70.000	
4)	<b>Du lịch</b> <i>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						130.000	117.000	117.000	96.112	20.888	
	Đường hành lang ven biển phát triển du lịch biển Ba Động	TXDH	UBND thị xã Duyên Hải	Đường đô thị; dài 07km	2021-2024	3763/QĐ-UBND 25/11/2020; 2541/QĐ-UBND 05/11/2021; 1069/QĐ-UBND 14/7/2023	130.000	117.000	117.000	96.112	20.888	
II	<b>Đầu tư các dự án hiện kết vùng, dự án trọng điểm</b> <i>Các dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						1.498.000	1.180.000	1.180.000	727.000	453.000	

82

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						TMDT		Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	8					
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
Đa tầng giao thông kết nối Trung tâm thành phố Trà Vinh, huyện Châu Thành, thành phố Trà Vinh với Quốc lộ 60 và Quốc lộ 53 (giai đoạn 2)	Cảng Long, Châu Thành và TPTV	BQL DA ĐTXD các công trình giao thông	Cấp III đồng bằng	2021-2024	3558/QĐ-UBND 28/10/2020; 1366/QĐ-UBND 13/7/2021; 1177/QĐ-UBND 18/8/2021; 2989/QĐ-UBND 24/12/2021	1.498.000	1.180.000	1.180.000	727.000	453.000		
<b>CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI</b>						196.042	166.000	166.000	95.000	10.000		
Y tế, dân số và gia đình						196.042	166.000	166.000	95.000	10.000		
<b>Các dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn hành năm 2024</b>						196.042	166.000	166.000	95.000	10.000		
Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị y cho 8 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Trà Vinh	Trên địa bàn tỉnh	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	TTB	2022-2024	2326/QĐ-UBND 02/12/2022	37.042	35.000	35.000	25.000	5.000		
Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh	TXDH	BQL DA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	cấp III	2022-2024	2327/QĐ-UBND 02/12/2022	159.000	131.000	131.000	70.000	5.000		
<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA</b>						107.868	87.273	858.166	410.154	236.986		

83

TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Gh
						Số quyết định ngày, năm ban hành	TMĐT					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi						96.651	77.519	514.111	241.997	147.737	
1)	Tỉnh quản lý						96.651	77.519	77.519	40.478	35.297	
a)	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực						75.411	59.819	59.819	33.570	26.249	
(1)	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>						75.411	59.819	59.819	33.570	26.249	
(1)	<i>Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024</i>						75.411	59.819	59.819	33.570	26.249	
1	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Châu Thành	Châu Thành	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	1064/QĐ-UBND 13/7/2023	12.892	10.641	10.641	6.500	4.141	
2	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Cầu Kè	Cầu Kè	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	1042/QĐ-UBND 10/7/2023	14.049	11.085	11.085	6.500	4.585	
3	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Trà Cú	Trà Cú	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	969/QĐ-UBND 23/6/2023	14.500	11.340	11.340	7.070	4.270	
4	Cải tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở và Trung học phổ thông huyện Tiểu Cần	Tiểu Cần	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	177/QĐ-SKHDT 27/6/2023	6.508	5.090	5.090	3.000	2.090	

Định danh dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHHT đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Đài tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Cầu Ngang	Cầu Ngang	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	974/QĐ-UBND 26/6/2023	14.504	11.529	11.529	6.500	5.029	
Đài tạo, nâng cấp mở rộng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở huyện Duyên Hải	Duyên Hải	Sở Giáo dục và Đào tạo	Dân dụng cấp III	2022-2024	1470/QĐ-UBND 29/9/2023	12.958	10.134	10.134	4.000	6.134	
Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch						21.240	17.700	17.700	6.908	9.048	
Dự án chuyên tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						21.240	17.700	17.700	6.908	9.048	
Đài tạo Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn lện có nhưng đã xuống cấp thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi	Các ấp thuộc 59 xã vùng đồng dân tộc thiểu số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Tu bổ, tôn tạo	2022-2024	747/QĐ-UBND 17/5/2023	21.240	17.700	17.700	6.908	9.048	
Đàn cấp huyện quản lý						-	-	436.592	201.519	112.440	
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt						-	-	92.146	56.720	12.589	
Huyện Cầu Kè								1.572	954	600	
Huyện Cầu Ngang								25.561	15.708	5.093	
Huyện Châu Thành								3.390	2.080	1.000	
Huyện Duyên Hải								7.921	4.870	1.016	
Huyện Tiểu Cần								1.052	644	320	
Huyện Trà Cú								52.650	32.464	4.560	

20/03/2024

35

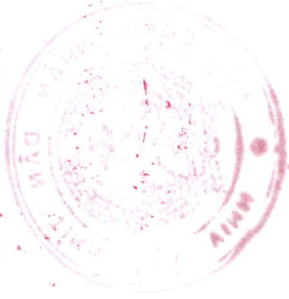
TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Gh
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT	Trong đó: NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị						-	-	35.085	14.467	7.451	
	<i>Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệt kê, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&amp;MN</i>						-	-	35.085	14.467	7.451	
	Huyện Trà Cú								35.085	14.467	7.451	
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	309.361					-	-	309.361	130.332	92.400	
	<i>Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	309.361					-	-	309.361	130.332	92.400	
-	Huyện Càng Long	33.777							33.777	14.228	8.800	
-	Huyện Cầu Kè	37.614							37.614	15.848	15.000	
-	Huyện Cầu Ngang	123.000							123.000	51.818	33.500	
-	Huyện Châu Thành	12.294							12.294	5.180	3.350	
-	Huyện Duyên Hải	10.306							10.306	4.342	4.200	
-	Huyện Tiểu Cần	33.156							33.156	13.968	11.370	
-	Huyện Trà Cú	59.214							59.214	24.948	16.180	

Danh mục dự án	Địa điểm XD	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025	Lũy kế vốn NSTW thuộc KHTH đã bố trí đến nay	Kế hoạch vốn năm 2024	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT				
							Trong đó: NSTW				
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						11.217	9.754	9.754	3.815	3.569	
Tỉnh quản lý						11.217	9.754	9.754	3.815	3.569	
Dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành năm 2024						11.217	9.754	9.754	3.815	3.569	
Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin thuộc Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	Trên địa bàn tỉnh	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	TTB và phần mềm	2022-2024	1167/QĐ-UBND 03/8/2023	11.217	9.754	9.754	3.815	3.569	
Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới						-	-	334.301	164.342	85.680	
Tỉnh quản lý						-	-	5.000	-	2.100	
Chương trình OCOP								5.000		2.100	
Phân cấp huyện quản lý						-	-	329.301	164.342	83.580	
Huyện Cảng Long								29.665	10.200	11.100	
Huyện Cầu Kè								14.832	10.200	3.700	
Huyện Cầu Ngang								37.081	10.200	14.800	
Huyện Châu Thành								48.204	13.600	14.800	
Huyện Duyên Hải								69.229	56.972	7.924	
Huyện Trà Cú								130.290	63.170	31.256	

37

*Handwritten signature*







## Phụ lục V

## KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số: 46/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh)



TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian K-C-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn năm 2024 (đồng)	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)	Trong đó: NSNN (triệu đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG SỐ											
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT											
Vốn các công trình có quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành											
1	Nâng cấp, mở rộng các trạm cấp nước sạch bức xúc trên địa bàn tỉnh	Huyện Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2019-2022	2169/QĐ-UBND 21/10/2018	72.500	72.500	61.364	6.438.882.999	
2	Kè chống sạt lở bờ sông Cỏ Chiên khu vực cù lao ấp Long Trị, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh (giai đoạn 2)	TPPTV	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Công trình nông nghiệp	2021-2023	2680/QĐ-UBND 30/7/2020	88.000	88.000	72.999	9.491.125.000	
3	Nâng cấp Đường tỉnh 914 đoạn từ Ngũ Lạc đến Hiệp Thạnh	TX Duyên Hải và Huyện Duyên Hải	Sở Giao thông vận tải	Công trình giao thông	2020-2021	311/0/2019; 1858/QĐ-UBND 25/3/2020	30.000	30.000	25.480	571.465.279	
4	Nâng cấp, mở rộng các Trường Tiểu học, THCS trên địa bàn huyện Cầu Ngang (giai đoạn 2021 - 2025)	Huyện Cầu Ngang	UBND huyện Cầu Ngang	Công trình dân dụng	2021-2023	3826/QĐ-UBND 01/12/2020; 2093/QĐ-UBND 28/9/2021	50.000	50.000	47.499	200.288.126	

TT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Vốn đã thanh toán (triệu đồng)	Kế hoạch vốn năm 2024 (đồng)	Ghi chú
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức vốn đầu tư	Trong đó: NSNN (triệu đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
5	San lấp mặt bằng khu trung tâm huyện Duyên Hải (giai đoạn 2)	Huyện Duyên Hải	UBND huyện Duyên Hải	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2021-2022	3831/QĐ-UBND 01/12/2020	45.000	45.000	40.000	1.254.884.151	
6	Cửa hàng trưng bày, giới thiệu, tiêu thụ nông sản sạch cho Tổ hợp tác xã và Hợp tác xã	TPTV	BQL dự án ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Công trình dân dụng	2023	258/QĐ-SKHĐT 19/10/2022	801	801	750	16.316.000	
7	Nâng cấp, cải tạo Nghĩa trang liệt sĩ huyện Càng Long	Huyện Càng Long	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Công trình hạ tầng kỹ thuật	2021-2022	3649/QĐ-UBND 09/11/2020; 453/QĐ-UBND 25/02/2022	14.500	14.500	11.614	1.635.568.640	
8	Nâng cấp, mở rộng các Trường mầm non trên địa bàn huyện Tiều Cản (giai đoạn 2021-2025)	Huyện Tiều Cản	UBND huyện Tiều Cản	Công trình dân dụng	2021-2022	3781/QĐ-UBND 21/11/2020	35.453	35.453	33.398	1.307.519.490	

*(Handwritten signature)*

HO